

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671009 - Toán cao cấp
Lớp :

STC : 5(75,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Tất	Đoàn	3572031594	18/07/1991	,50	,00	,20	
2	Trần Quốc	Việt	3671010091	14/02/1994	4,70	,00	1,40	
3	Phạm Tuấn	Vũ	3671010132	18/08/1991	3,00	1,50	2,00	
4	Võ Đăng	Thới	3671010158	07/09/1988	,00	,00	,00	
5	Lê Thành	Trọng	3671010253	09/10/1994	3,40	,00	1,00	
6	Đoàn Phương	Thiện	3671010266	27/11/1992	3,50	3,50	3,50	
7	Khổng Duy	Khánh	3671010277	10/07/1993	4,00	3,30	3,50	
8	Phan Công	Thìn	3671010291	03/11/1992	2,30	1,80	1,90	
9	Nguyễn Văn	Vinh	3671010335	26/10/1994	1,00	1,80	1,60	
10	Vũ Biên	Hòa	3671010364	01/01/1994	2,30	2,00	2,10	
11	Hoàng Anh	Tiến	3671010368	25/05/1994	3,40	2,50	2,80	
12	Nguyễn Trọng	Tú	3671010380	26/09/1994	3,40	,00	1,00	
13	Vũ Thị Thanh	Xuân	3671010391	06/03/1994	1,00	1,00	1,00	
14	Lê Thị Kim	Linh	3671010405	12/02/1994	4,60	4,50	4,50	
15	Nguyễn Ngọc Phước	Dinh	3671010407	21/11/1993	3,40	,00	1,00	
16	Nguyễn Hoàng	Quang	3671010475	10/04/1994	3,70	,00	1,10	
17	Trần Xuân	Thanh	3671010480	11/01/1993	4,10	,00	1,20	
18	Nguyễn Thị Kim	Ngân	3671010483	11/01/1994	3,20	2,80	2,90	
19	Võ Dương Việt	Trân	3671010487	10/05/1994	3,70	3,30	3,40	
20	Mai Quốc	Dũng	3671010581	19/07/1994	1,70	,00	,50	
21	Đỗ Ngọc Tiên	Nhi	3671010610	19/08/1994	5,90	2,30	3,40	
22	Nguyễn Quyết	Thắng	3671010612	01/12/1994	5,00	5,30	5,20	
23	Ngô Đình	Khiêm	3671010625	23/12/1993	2,20	2,50	2,40	
24	Nguyễn Tiến	Quảng	3671010666	28/12/1991	2,30	3,30	3,00	
25	Phan Thị Tú	Anh	3671010686	01/09/1993	3,90	3,50	3,60	
26	Lê Anh	Tuấn	3671010755	04/05/1994	2,90	3,30	3,20	
27	Nguyễn Văn	Trường	3671010776	15/09/1993	2,30	4,30	3,70	
28	Đỗ Văn	Sang	3671010785	29/04/1994	4,80	4,30	4,40	
29	Vũ Minh	Nhật	3671010806	20/11/1994	3,70	2,30	2,70	
30	Lê Hữu	Sinh	3671010828	12/04/1991	1,90	,00	,60	
31	Nguyễn Trọng	Quang	3671010849	23/05/1994	2,60	2,00	2,20	
32	Phạm Bá	Sơn	3671010916	10/12/1994	1,20	,00	,30	
33	Nguyễn Văn	Vàng	3671010920	05/05/1994	1,80	,00	,50	
34	Lâm Triệu	Hưng	3671010933	01/10/1994	3,30	1,00	1,70	
35	Hà Nhật	Tâm	3671010939	16/04/1994	1,80	,00	,50	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trần Thị Kim	Ngân	3671010969	15/09/1994	4,00	4,50	4,40	
37	Phan Minh	Cường	3671011042	16/07/1992	4,20	,00	1,20	
38	Nguyễn Chi	Đức	3671011085	10/08/1994	1,90	,00	,60	
39	Cô Ngọc Hoàn	Quý	3671011090	24/02/1994	1,30	,50	,70	
40	Phan Văn	Tân	3671011095	07/04/1994	3,80	2,80	3,10	
41	Nguyễn Thanh	Phát	3671011112	14/09/1994	4,30	5,00	4,80	
42	Nguyễn Huy	Hoàng	3671011145	30/08/1994	1,20	,50	,70	
43	Phan Anh	Vũ	3671011147	26/10/1994	1,90	,00	,60	
44	Nguyễn Văn	Một	3671011217	11/08/1994	1,70	,00	,50	
45	Nguyễn Văn	Thắng	3671011223	28/09/1994	4,50	2,80	3,30	
46	Nguyễn Võ Thanh	Bình	3671011285	30/06/1994	4,50	,00	1,40	
47	Mai Ngọc	Sỹ	3671011294	20/11/1993	2,30	,00	,70	
48	Lê Hoàng	Minh	3671011465	07/10/1994	3,30	,00	1,00	
49	Nguyễn Thị Minh	Châu	3671011473	14/03/1993	1,50	4,80	3,80	
50	Trần Văn	Thắng	3671011483	01/05/1994	1,50	3,50	2,90	
51	Võ Minh	Luân	3671011502	10/07/1994	2,70	,00	,80	
52	Trần Tuấn	Anh	3671011528	02/04/1994	,00	,00	,00	
53	Nguyễn Văn	Trung	3671011561	12/05/1994	6,20	5,50	5,70	
54	Vũ Đình	Hiệp	3671011562	05/07/1994	2,90	7,00	5,80	
55	Trần Quốc	Thắng	3671011578	20/11/1993	2,40	,00	,70	
56	Phạm Minh	Hiếu	3671011594	12/04/1994	3,40	,00	1,00	
57	Từ Hữu	Thịnh	3671011604	22/01/1994	2,40	1,80	2,00	
58	Huỳnh Gia	Khánh	3671011614	14/02/1994	3,20	1,50	2,00	
59	Ngô Anh	Toàn	3671011627	28/08/1994	1,20	,00	,30	
60	Phạm Quang	Trung	3671011631	09/09/1994	3,20	4,80	4,30	
61	Lưu Kim	Thư	3671011632	19/11/1994	,00	,00	,00	
62	Lê Anh	Nguyên	3671011649	26/11/1994	1,00	,00	,30	
63	Trần Đăng	Khoa	3671011655	17/06/1994	3,70	5,00	4,60	
64	Trần Thị Hồng	Vân	3671011665	31/03/1994	,00	,00	,00	
65	Lê Tấn	Phát	3671011670	10/01/1993	,00	,00	,00	
66	Đoàn Quang	Hùng	3671011676	18/07/1994	,90	,00	,30	
67	Nguyễn Trung	Hậu	3671011685	04/02/1994	,50	,00	,20	
68	Phạm Nguyễn Anh	Hoàng	3671011846	28/02/1994	2,00	,00	,60	
69	Lục Văn	Nhục	3671011849	18/07/1994	1,80	,00	,50	
70	Đào Thị Hoài	Thu	3671011852	17/09/1993	1,60	6,00	4,70	
71	Dương Vũ Chí	Công	3671011859	09/06/1994	,50	,00	,20	
72	Nguyễn Văn	Tiến	3671011863	13/01/1993	1,40	2,50	2,20	
73	Trần Thị	Liên	3671011891	22/11/1993	1,40	1,00	1,10	
74	Nguyễn Thị	Trang	3671011896	02/07/1994	5,40	2,50	3,40	
75	Nguyễn Thị Thu	Hương	3671011897	26/01/1994	5,70	2,50	3,40	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Lê Văn	Hùng	3671011905	06/03/1994	2,90	3,80	3,50	
77	Phạm Quang	Tuyển	3671011919	24/11/1993	,00	,00	,00	
78	Trần Thị Như	Trinh	3671011934	20/03/1994	2,20	4,80	4,00	
79	Lê Trung	Nhân	3671011937	01/01/1993	2,20	,00	,60	
80	Nhữ Quốc	Tính	3671011939	24/04/1993	,70	1,00	,90	
81	Nguyễn Thị Kim	Ngân	3671011953	10/08/1992	3,80	6,80	5,90	
82	Nguyễn Quốc	Trung	3671011964	26/05/1994	1,00	,00	,30	
83	Trần Thị Linh	Chi	3671011977	12/10/1993	3,70	2,30	2,70	
84	Bùi Đình	Bắc	3671011999	28/11/1993	1,80	4,30	3,50	
85	Đặng Xuân	Hạ	3671012000	19/08/1994	2,30	4,00	3,50	
86	Nguyễn Thị	Ngân	3671012007	20/05/1994	1,00	,00	,30	
87	Nguyễn Thị	Vy	3671012009	02/10/1994	2,70	4,80	4,20	
88	Đặng Thị	Diễm	3671012014	18/08/1994	5,40	4,50	4,80	
89	Hoàng Văn	Son	3671012015	13/04/1994	1,20	2,80	2,30	
90	Lê Mạnh	Hùng	3671012023	02/10/1994	4,40	2,00	2,70	
91	Lê Đình	Quân	3671012029	28/01/1993	2,40	1,00	1,40	
92	Nguyễn Minh	Tuấn	3671012033	01/06/1994	,70	,00	,20	
93	Nguyễn Minh	Kha	3671012037	17/08/1994	1,40	,00	,40	
94	Lâm Thanh	Bảo	3671012042	26/05/1994	1,30	2,80	2,30	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)